

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP VIỆT NAM**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015  
(đã được kiểm toán)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,

Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-44
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-44

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05/02/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Tuấn Khải	Chủ tịch	
Ông Phạm Minh Sơn	Thành viên	
Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/08/2015
Bà Định Thị Chuyền	Thành viên	Từ nhiệm ngày 26/08/2015
Bà Phan Thu Anh	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/10/2015
Ông Hoàng Tuấn Khải	Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 01/10/2015
Ông Phạm Minh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phan Thu Anh	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Thái Hà	Trưởng ban	
Ông Lê Công Thuận	Thành viên	
Bà Đặng Sơn Nguyệt Thảo	Thành viên	Từ nhiệm ngày 26/08/2015
Bà Phạm Thị Chiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/09/2015

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.



# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc   


Phạm Minh Sơn  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2016

Số: 506 /2016/BC.KTTC-AASC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam được lập ngày 10 tháng 02 năm 2016, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại ngày 31/12/2015 Công ty có khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính là 134,6 tỷ đồng và một số khoản vay vốn của ngân hàng đến đã đến hạn thanh toán. Điều này cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục vì các lý do đã được Công ty trình bày tại Thuyết minh số 1 trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Vấn đề này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

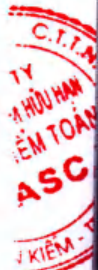
Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Nguyễn Thanh Tùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0063-2013-002-1

**Dương Quân Anh**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 1686-2013-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>808.060.673.667</b>	<b>868.415.202.540</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>11.896.576.855</b>	<b>22.326.213.955</b>
111	1. Tiền		11.790.109.691	21.526.496.022
112	2. Các khoản tương đương tiền		106.467.164	799.717.933
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>154.047.061.093</b>	<b>9.937.959.600</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		175.358.609.834	14.172.998.743
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(21.311.548.741)	(4.235.039.143)
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>592.170.027.886</b>	<b>735.892.044.974</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	78.708.363.800	134.960.230.620
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		286.516.338.784	301.065.810.984
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	318.681.155.623	320.967.964.696
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(91.735.830.321)	(21.101.961.326)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>41.062.157.334</b>	<b>88.568.957.096</b>
141	1. Hàng tồn kho		41.062.157.334	88.568.957.096
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>8.884.850.499</b>	<b>11.690.026.915</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	343.401.878	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7.703.387.382	11.191.582.961
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	838.061.239	498.443.954



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>169.900.597.250</b>	<b>326.563.017.850</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		8.500.000.000	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	8.500.000.000	-
220	II. Tài sản cố định		18.432.638.714	19.775.788.455
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	15.280.838.714	16.623.988.455
222	- Nguyên giá		31.932.085.703	31.842.871.654
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(16.651.246.989)	(15.218.883.199)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	3.151.800.000	3.151.800.000
228	- Nguyên giá		3.151.800.000	3.151.800.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư	12	57.480.857.417	44.384.025.481
231	- Nguyên giá		79.230.791.291	63.993.967.962
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(21.749.933.874)	(19.609.942.481)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	58.550.446.233	69.398.787.996
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		58.550.446.233	69.398.787.996
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	21.964.446.157	192.697.518.670
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		20.968.895.429	29.468.895.429
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.200.000.000	164.180.849.141
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(204.449.272)	(952.225.900)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.972.208.729	306.897.248
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	4.972.208.729	306.897.248
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>977.961.270.917</b>	<b>1.194.978.220.390</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>794.219.153.354</b>	<b>881.683.356.054</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>736.702.521.476</b>	<b>821.774.265.145</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	4.259.502.505	16.816.206.290
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		42.650.935.938	50.006.862.550
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	307.580.804	355.786.284
314	4. Phải trả người lao động		2.460.424.289	2.406.215.244
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	2.941.479
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	74.000.000	74.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	34.396.732.495	12.327.570.597
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	651.954.084.796	739.282.008.635
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		599.260.649	502.674.066
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>57.516.631.878</b>	<b>59.909.090.909</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	16	7.340.429.752	4.909.090.909
337	2. Phải trả dài hạn khác	17	564.202.126	-
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	49.612.000.000	55.000.000.000
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>183.742.117.563</b>	<b>313.294.864.336</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	19	<b>183.742.117.563</b>	<b>313.294.864.336</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		135.392.670.000	125.948.570.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		135.392.670.000	125.948.570.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.147.588.054	17.147.588.054
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.262.420.104	7.262.420.104
415	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(981.900)	(981.900)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		158.549.656.217	158.549.656.217
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(134.609.234.912)	4.387.611.861
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		613.446.569	264.430.255
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(135.222.681.481)	4.123.181.606
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>977.961.270.917</b>	<b>1.194.978.220.390</b>

*Lê Thị Thu Hương*

*Lê Xuân Chất*



*Phạm Minh Sơn*

Lê Thị Thu Hương  
Người lập

Lê Xuân Chất  
Kế toán trưởng

Phạm Minh Sơn  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.055.450.717.928	1.490.201.156.080
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.055.450.717.928	1.490.201.156.080
11	4. Giá vốn hàng bán	22	1.014.912.982.033	1.432.725.815.588
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		40.537.735.895	57.475.340.492
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	46.330.361.686	33.510.185.662
22	7. Chi phí tài chính	24	110.528.461.982	52.721.701.551
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		68.960.239.417	43.178.545.837
25	8. Chi phí bán hàng	25	20.286.156.645	22.205.104.878
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	85.951.941.459	12.717.754.270
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(129.898.462.505)	3.340.965.455
31	11. Thu nhập khác	27	414.626.136	1.108.310.486
32	12. Chi phí khác	28	4.894.065.761	326.094.335
40	13. Lợi nhuận khác		(4.479.439.625)	782.216.151
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(134.377.902.130)	4.123.181.606
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(134.377.902.130)	4.123.181.606
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	(9.987)	243

*[Signature]*

*[Signature]*



*[Signature]*

Lê Thị Thu Hương  
Người lập

Lê Xuân Chất  
Kế toán trưởng

Phạm Minh Sơn  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2015

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.167.075.340.576	1.564.820.905.988
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(1.029.953.248.086)	(1.508.933.186.495)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(26.114.828.403)	(24.149.476.407)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(55.765.183.131)	(43.178.545.837)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		96.823.044.949	156.630.337.234
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(78.655.842.814)	(418.515.390.455)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>73.409.283.091</i>	<i>(273.325.355.972)</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.915.956.710)	(8.090.265.286)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		40.200.000	266.070.803
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		34.231.411.482	23.377.533.983
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>28.355.654.772</i>	<i>15.553.339.500</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		811.037.646.565	1.884.092.988.631
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(923.382.167.168)	(1.668.268.742.999)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(14.533.692)	(13.742.635)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(112.359.054.295)</i>	<i>215.810.502.997</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>(10.594.116.432)</i>	<i>(41.961.513.475)</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		22.326.213.955	64.314.277.690
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		164.479.332	(26.550.260)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<b>11.896.576.855</b>	<b>22.326.213.955</b>

*[Signature]*

*[Signature]*



Lê Thị Thu Hương  
Người lập

Lê Xuân Chất  
Kế toán trưởng

Phạm Minh Sơn  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2016

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2015

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05/02/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 135.392.670.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 135.392.670.000 đồng; tương đương 13.539.267 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh Xuất nhập khẩu.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn thực phẩm: Kinh doanh tạp phẩm, thú hải sản, rượu bia, nước giải khát, kinh doanh bánh kẹo, các mặt hàng đường, sữa, sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê....;
- Kinh doanh nông, lâm, thủy hải sản;
- Kinh doanh các sản phẩm dệt may;
- Kinh doanh trang thiết bị y tế, dụng cụ dùng trong ngành về y - dược;
- Kinh doanh thiết bị văn phòng, tạp phẩm, mỹ phẩm, điện máy, điện lạnh;
- Kinh doanh đồ điện tử, tin học, phụ tùng và thiết bị viễn thông (máy tổng đài và điện thoại các loại), camera;
- Sản xuất, gia công, lắp ráp đồ chơi (trừ loại đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội);
- Sản xuất, gia công, lắp ráp các mặt hàng đồ gỗ;
- Sản xuất xe máy;
- Sản xuất đồ điện tử, đồ điện lạnh, đồ gia dụng;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh Nhà ở và văn phòng, cho thuê văn phòng, căn hộ, kho, bãi, nhà xưởng;
- Dịch vụ vận chuyển hành khách;
- Vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ chuyển khẩu, quá cảnh;
- Dịch vụ khai thuê hải quan, giao nhận hàng hóa;
- Kinh doanh máy móc thiết bị, nguyên nhiên liệu phục vụ sản xuất, khoáng sản, hàng công nghiệp, hàng gia công chế biến trong nước và nhập khẩu, phân bón, hóa chất tẩy rửa, cây giống phục vụ nông nghiệp và hàng thủ công mỹ nghệ;



# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

## Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh phương tiện vận tải, nâng xếp, bốc dỡ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi: Kinh doanh thức ăn, nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy hải sản, gia súc, gia cầm; kinh doanh giống phục vụ nuôi trồng thủy hải sản;
- Sản xuất, gia công các mặt hàng dệt may;
- Sản xuất, chế biến, nông, lâm, thủy hải sản;
- Bán buôn hóa chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hóa học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu sôđa, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...;
- Bán buôn các chất phụ gia dùng trong công nghiệp chế biến thực phẩm, thực phẩm chức năng.

## Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại Hải Phòng	Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng	Dịch vụ xuất nhập khẩu
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại Đà Nẵng	Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	Cho thuê bất động sản
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	Quận 4, TP Hồ Chí Minh	Thương mại và dịch vụ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam - Xí nghiệp May xuất khẩu Hải Phòng	Quận Hải An, TP Hải Phòng	Gia công hàng may mặc
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam - Xí nghiệp chế biến nông lâm sản hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu	H. Thường Tín, TP Hà Nội	Cho thuê kho bãi
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam	Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai	Thương mại và dịch vụ xuất nhập khẩu

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

## Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại Công ty có các khoản nợ phải thu đã được Công ty cho gia hạn trong các năm tài chính trước, năm nay Công ty không tiếp tục cho gia hạn nữa. Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính thì các khoản nợ quá hạn sẽ phải trích lập dự phòng theo kỳ hạn gốc, không xét đến thời gian gia hạn nợ. Điều này đã làm cho chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi tăng đột biến so với các năm trước.

Công ty đã phân loại lại khoản đầu tư vào cổ phiếu Ngân hàng Thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam từ loại "Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác" thành "Chứng khoán kinh doanh" theo chủ trương cơ cấu lại các khoản đầu tư của Công ty. Mặt khác, giá của cổ phiếu này sụt giảm mạnh trong năm 2015 dẫn đến chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính cũng tăng lên đáng kể.

Tại thời điểm 31/12/2015 Công ty có khoản lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính là 134,6 tỷ đồng. Các thông tin trên cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty đã xây dựng kế hoạch tài chính để Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn thông qua việc tái cơ cấu nợ với ngân hàng, đẩy mạnh công tác thu hồi nợ, và thanh lý một số khoản đầu tư, tài sản của Công ty. Do vậy Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 36.

**2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.





**2.5 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

**2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



**2.8 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

*Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

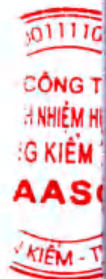
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của Công ty liên kết tại thời điểm 31/12/2015 để trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**2.9 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.





**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**2.10 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.11 . Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	45 năm
--------------------------	--------



**2.12 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/07/2011 giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (gọi tắt là TH1) và Công ty TNHH Kowa (gọi tắt là Kowa). Theo đó, TH1 cung cấp dịch vụ gia công quần áo và các sản phẩm may mặc khác dành riêng cho Kowa tại Đoàn Xá, Hải Phòng (bao gồm cả các yêu cầu của Đại lý, nhà phân phối, bán buôn, nhà thầu hay đối tác khác có liên quan thông qua đơn hàng của Kowa) và không được chấp nhận bất cứ đơn đặt hàng từ bất kỳ bên nào khác hay không được cung cấp dịch vụ cho bên khác hoặc thỏa thuận khác với bên thứ 3 sử dụng nhà máy, nhân lực và các tài sản liên quan đến Hợp đồng này. Hai bên cùng hợp tác điều hành hoạt động của Nhà máy trong việc cung cấp dịch vụ gia công may mặc và sản phẩm để đạt được hiệu quả vận hành tối đa của máy móc và nhân lực nhà máy đáp ứng các mục tiêu sản xuất. Lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh được phân bổ đều (50/50) cho các bên và được trả trong vòng 60 ngày sau kỳ kết thúc trước đó. TH1 phải đảm bảo rằng, toàn bộ nhà máy, máy móc thiết bị đều trong tình trạng hoạt động tốt và thuộc sở hữu của TH1, đồng thời phải duy trì tối thiểu 180 công nhân làm việc trong nhà máy. Bên TH1 là bên thực hiện kế toán.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 17/TH1-XD/HĐHTKD ngày 28/04/2011 giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (TH1) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xăng dầu Việt Nam (gọi tắt là Công ty XDVN) để cùng nhau hợp tác đầu tư và khai thác các loại khoáng sản (quặng, thiếc hoặc các loại quặng khác nếu có) thuộc địa phận Tỉnh Nghệ An. TH1 đồng ý đầu tư 100% vốn để Công ty XDVN thực hiện toàn bộ quá trình mua sắm trang thiết bị, xây dựng cơ sở hạ tầng, nhà xưởng, điện nước và các chi phí quản lý liên quan khác cho đến khi ra sản phẩm. Ngay khi có sản phẩm, TH1 được quyền định đoạt bán hàng cho đến khi thu hồi đủ các khoản đầu tư ban đầu. Công ty XDVN chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ thủ tục về pháp lý, các nghĩa vụ về thuế. Toàn bộ chi phí liên quan đến các điểm mỏ đã được cấp phép do Công ty XDVN bỏ ra trước khi ký hợp đồng sẽ được chấp nhận là khoản đầu tư dài hạn của Công ty XDVN để thực hiện hợp đồng này. Sau khi hoàn vốn, TH1 được quyền quyết định tỷ lệ góp vốn trong phạm vi từ 20%-50% và hưởng lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ vốn góp. Bên kế toán là bên Công ty Cổ phần Đầu tư Xăng dầu Việt Nam.

Hợp đồng hợp tác đầu tư số 82/2014/HĐHT/TH1 - HFC giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam (gọi tắt là HFC) và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - Việt Nam (gọi tắt là TH1) về việc hợp tác đầu tư ngắn hạn và Phụ lục hợp đồng số 01/2015/HĐHT/TH1 - HFC ngày 16/08/2015 có hiệu lực đến ngày 10/04/2016 và đảm bảo nguyên tắc lãi suất không thấp hơn lãi suất huy động vốn của TH1 và tính theo thời gian sử dụng vốn của mỗi đợt hợp tác đầu tư. Bên thực hiện kế toán là Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam.

**2.13 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.14 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.



**2.15 . Các khoản vay và chi phí đi vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.16 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.17 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

**2.18 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## **2.19 . Doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính có liên quan.

### 2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính

### 2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

### 2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	766.236.631	447.059.953
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.023.873.060	21.079.436.069
Các khoản tương đương tiền	106.467.164	799.717.933
	<u>11.896.576.855</u>	<u>22.326.213.955</u>

Tại 31/12/2015, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam với lãi suất 4,5%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
- Tổng giá trị cổ phiếu (1)				
- Cổ phiếu Công ty Xi măng Bút Sơn	348.600	189.000	(159.600)	348.600
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển du lịch	3.077.040.000	602.500.000	(2.474.540.000)	3.077.040.000
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall	9.300.372.093	9.300.372.093	-	11.095.610.143
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	162.980.849.141	144.144.000.000	(18.836.849.141)	9.142.500.000
	<b>175.358.609.834</b>	<b>154.047.061.093</b>	<b>(21.311.548.741)</b>	<b>14.172.998.743</b>
				<b>9.937.959.600</b>
				<b>(4.235.039.143)</b>

(1) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2015.

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (2)**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	20.968.895.429	-	29.468.895.429	(764.293.372)
- Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp I	-	-	8.500.000.000	(764.293.372)
- Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	20.968.895.429	-	20.968.895.429	-
Đầu tư vào đơn vị khác	1.200.000.000	(204.449.272)	164.180.849.141	(187.932.528)
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh	1.200.000.000	(204.449.272)	1.200.000.000	(187.932.528)
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	-	-	162.980.849.141	-
	<b>22.168.895.429</b>	<b>(204.449.272)</b>	<b>193.649.744.570</b>	<b>(952.225.900)</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	Hà Nội	40,00%	40,00%	Cho thuê văn phòng

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty Cổ phần Kim loại Việt Nam	23.932.288.353	23.932.288.353
- Công ty Cổ phần phát triển công nghệ Mobile Star	-	10.772.870.190
- Công ty Cổ phần phát triển Phú Khang	223.049.955	20.458.338.826
- Công ty cổ phần Thép Việt Thanh	8.158.626.921	7.682.559.869
- Công ty Cổ phần Thực phẩm C . M . T	9.953.675.362	10.038.675.362
- Công ty cổ phần dầu khí và khoáng sản VITECH	8.735.780.880	8.835.780.880
- Các khoản phải thu khách hàng khác	27.704.942.329	53.239.717.140
	<b><u>78.708.363.800</u></b>	<b><u>134.960.230.620</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngõ Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**6 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	8.980.000.000	-	18.233.365.538	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.443.137.818	-	3.117.987.152	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	16.031.000	-	1.070.847	-
- Tạm ứng	2.419.746.501	-	3.276.024.796	-
- Ký cược, ký quỹ	89.811.149	-	2.898.563.263	-
- Phải thu Công ty TNHH Quang Trung	1.548.661.868	-	3.900.116.940	-
- Phải thu vốn góp theo hợp đồng hợp tác kinh doanh(1)	6.766.751.269	-	6.766.751.269	-
- Phải thu vốn góp theo hợp đồng hợp tác kinh doanh(2)	282.001.100.000	-	282.001.100.000	-
- Phải thu khác	2.415.916.018	-	772.984.891	-
	<b>318.681.155.623</b>		<b>320.967.964.696</b>	
<b>b) Dài hạn</b>				
- Phải thu Bà Phạm Thị Thủy về chuyển nhượng cổ phần	100.000.000	-	-	-
- Phải thu Ông Đặng Hùng Long về chuyển nhượng cổ phần	8.400.000.000	-	-	-
	<b>8.500.000.000</b>			

(1): Khoản tiền góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 17THI-XD/HĐHTKD giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xăng dầu Việt Nam (gọi tắt là XDVN) và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I (gọi tắt là THI) để hợp tác đầu tư và khai thác các loại khoáng sản thuộc địa phận Tỉnh Nghệ An. Theo đó, THI đầu tư vốn cho Công ty XDVN thực hiện trang thiết bị, tài sản, quản lý vận hành khai thác mỏ. Ngay sau khi ra sản phẩm, THI được quyền quyết định bán sản phẩm cho đến khi hoàn trả hết các khoản đầu tư. Sau khi hoàn vốn trên cơ sở chi phí thực tế, THI được quyền quyết định tỷ lệ góp vốn trong phạm vi từ 20% - 50%.

(2): Khoản tiền góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 82/2014/HĐHT/THI - HFC giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam (gọi tắt là HFC) và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - Việt Nam (gọi tắt là THI) về việc hợp tác đầu tư ngân hàng và Phụ lục hợp đồng số 01/2015/HĐHT/THI - HFC ngày 16/08/2015 có hiệu lực đến ngày 10/04/2016 và đảm bảo nguyên tắc lãi suất không thấp hơn lãi suất huy động vốn của THI và tính theo thời gian sử dụng vốn của mỗi đợt hợp tác đầu tư.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**7 . NỢ XẤU**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	129.073.299.863	37.337.469.542	40.315.912.108	29.966.670.719
- Công ty Cổ phần Kim loại Việt Nam (*)	23.932.288.353	23.932.288.353	23.932.288.353	23.932.288.353
- Công ty Cổ phần Thực phẩm C . M . T	9.953.675.362	9.953.675.362	-	-
- Doanh nghiệp Tư nhân Trung Thành	54.585.659.678	-	-	-
- Các khoản khác	40.601.676.470	3.451.505.827	16.383.623.755	6.034.382.366
	<u>129.073.299.863</u>	<u>37.337.469.542</u>	<u>40.315.912.108</u>	<u>29.966.670.719</u>

(\*) Đối với khoản công nợ Công ty Cổ phần Kim loại Việt Nam, Công ty Cổ phần Thực phẩm C.M.T đã quá hạn thanh toán theo hợp đồng nhưng Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khoản nợ này là vẫn có thể thu hồi được toàn bộ trong kỳ tiếp theo nên giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc.

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	114.065.629	-	86.691.128	-
Công cụ, dụng cụ	1.325.000	-	1.325.000	-
Hàng hoá	40.946.766.705	-	88.480.940.968	-
	<u>41.062.157.334</u>	<u>-</u>	<u>88.568.957.096</u>	<u>-</u>

**9 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	58.550.446.233	69.398.787.996
- Công trình Kho Liên Phương tại Thanh Trì, Hà Nội	-	145.340.161
- Công trình Kho Đoạn Xá tại Đoạn Xá, Hải Phòng	134.977.971	134.977.971
- Công trình khu Thương Mai tại Hoàng Mai, Hà Nội	55.452.089.666	66.155.091.268
- Công trình Khu Lũy Bán Bích tại Quận Tân Phú, HCM	2.963.378.596	2.963.378.596
	<u>58.550.446.233</u>	<u>69.398.787.996</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**10 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	22.528.603.753	4.696.627.207	4.348.763.000	268.877.694	31.842.871.654
- Mua trong năm	-	34.680.000	-	-	34.680.000
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	324.930.324	-	-	-	324.930.324
- Thanh lý, nhượng bán	-	(270.396.275)	-	-	(270.396.275)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>22.853.534.077</b>	<b>4.460.910.932</b>	<b>4.348.763.000</b>	<b>268.877.694</b>	<b>31.932.085.703</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	9.120.197.754	3.103.977.495	2.745.851.088	248.856.862	15.218.883.199
- Khấu hao trong năm	998.460.309	392.566.274	295.716.794	16.016.688	1.702.760.065
- Thanh lý, nhượng bán	-	(270.396.275)	-	-	(270.396.275)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.118.658.063</b>	<b>3.226.147.494</b>	<b>3.041.567.882</b>	<b>264.873.550</b>	<b>16.651.246.989</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	13.408.405.999	1.592.649.712	1.602.911.912	20.020.832	16.623.988.455
Tại ngày cuối năm	12.734.876.014	1.234.763.438	1.307.195.118	4.004.144	15.280.838.714

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

1.307.195.118 VND  
10.930.588.811 VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Giá trị quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại 26B Lê Quốc Hưng, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá là 3.151.800.000 VND.

**12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư của Công ty là Nhà cửa, vật kiến trúc tại Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng được sử dụng để cho thuê có nguyên giá 79.230.791.291 VND, hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2015 là 21.749.933.874 VND, trong đó khấu hao trong năm 2015 là 2.139.991.393 VND.

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) <b>Ngắn hạn</b>	-	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	343.401.878	-
	<b>343.401.878</b>	<b>-</b>
b) <b>Dài hạn</b>	-	-
Quyền sử dụng đất có thời hạn	4.866.999.594	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	105.209.135	306.897.248
	<b>4.972.208.729</b>	<b>306.897.248</b>

**14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2- Vinaconex	1.944.539.170	1.944.539.170	4.957.095.320	4.957.095.320
Phải trả các đối tượng khác	2.314.963.335	2.314.963.335	11.859.110.970	11.859.110.970
	<b>4.259.502.505</b>	<b>4.259.502.505</b>	<b>16.816.206.290</b>	<b>16.816.206.290</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		355.786.284		23.123.785.545		23.171.991.025		-			307.580.804
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-		-		325.709.226		325.709.226		-			-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	416.196.598		-		-		-		416.196.598			-
Thuế Thu nhập cá nhân	43.367.356		-		182.210.730		250.631.522		111.788.148			-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	38.880.000		-		830.722.552		1.101.919.045		310.076.493			-
Các loại thuế khác	-		-		3.000.000		3.000.000		-			-
	<b>498.443.954</b>		<b>355.786.284</b>		<b>24.465.428,053</b>		<b>24.853.250,818</b>		<b>838.061.239</b>			<b>307.580.804</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Doanh thu nhận trước cho thuê kho bãi	74.000.000	74.000.000
	<u>74.000.000</u>	<u>74.000.000</u>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	7.340.429.752	4.909.090.909
	<u>7.340.429.752</u>	<u>4.909.090.909</u>

**17 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	321.956.654	343.984.350
- Bảo hiểm xã hội	51.676.068	13.804.684
- Bảo hiểm y tế	27.090.957	11.882.627
- Bảo hiểm thất nghiệp	30.991.177	17.109.154
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.960.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.210.823.455	7.520.753.147
- Phải trả lãi vay	13.567.232.417	372.176.131
- Phí bảo trì tòa nhà 130 Nguyễn Đức Cảnh, Hoàng Mai, Hà Nội	2.979.820.000	3.110.800.000
- Phải trả Lợi nhuận tư hợp tác cho Kowa	1.493.987.756	834.994.405
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (úy thác)	14.709.194.011	102.066.099
	<u>34.396.732.495</u>	<u>12.327.570.597</u>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	564.202.126	-
	<u>564.202.126</u>	<u>-</u>



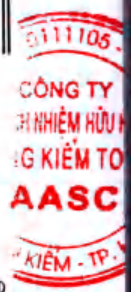
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**18 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<i>Vay ngắn hạn bằng VND</i>						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam <sup>(2)</sup>	303.322.066.894	303.322.066.894	36.774.368.050	47.173.312.518	292.923.122.426	292.923.122.426
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	2.702.324.560	2.702.324.560	16.774.368.050	10.173.570.184	9.303.122.426	9.303.122.426
- Ngân hàng TMCP Việt Á <sup>(4)</sup>	6.019.742.334	6.019.742.334	-	6.019.742.334	-	-
- Ngân hàng TMCP Việt Á <sup>(4)</sup>	291.500.000.000	291.500.000.000	-	9.500.000.000	282.000.000.000	282.000.000.000
- Công ty Cổ phần Bất động sản - Tổng hợp I <sup>(5)</sup>	3.100.000.000	3.100.000.000	-	1.480.000.000	1.620.000.000	1.620.000.000
- Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Hoàng Mai <sup>(6)</sup>	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
<i>Vay ngắn hạn bằng USD</i>						
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - SGD <sup>(1)</sup>	429.959.941.741	429.959.941.741	789.924.550.199	870.305.529.570	349.578.962.370	349.578.962.370
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam <sup>(2)</sup>	98.705.741.760	98.705.741.760	113.267.930.536	164.350.583.723	47.623.088.573	47.623.088.573
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội <sup>(3)</sup>	36.358.149.826	36.358.149.826	68.882.207.066	67.810.069.998	37.430.286.894	37.430.286.894
- Ngân hàng TMCP Việt Á <sup>(4)</sup>	115.309.327.691	115.309.327.691	210.838.212.445	196.174.525.731	129.973.014.405	129.973.014.405
- Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Hoàng Mai <sup>(6)</sup>	55.891.677.679	55.891.677.679	51.309.196.599	87.465.434.515	19.735.439.763	19.735.439.763
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam <sup>(7)</sup>	23.230.695.634	23.230.695.634	163.373.249.818	137.602.457.767	49.001.487.685	49.001.487.685
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	65.602.040.501	65.602.040.501	147.825.632.768	147.612.028.219	65.815.645.050	65.815.645.050
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hai Bà Trưng	34.862.308.650	34.862.308.650	6.619.974.947	41.482.283.597	-	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hai Bà Trưng	-	-	27.808.146.020	27.808.146.020	-	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>9.388.000.000</b>	<b>5.936.000.000</b>	<b>9.452.000.000</b>	<b>9.452.000.000</b>
	<b>739.282.008.635</b>	<b>739.282.008.635</b>	<b>836.086.918.249</b>	<b>923.414.842.088</b>	<b>651.954.084.796</b>	<b>651.954.084.796</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - SGD (8)	61.000.000.000	61.000.000.000	4.000.000.000	5.936.000.000	59.064.000.000	59.064.000.000
	<b>61.000.000.000</b>	<b>61.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>5.936.000.000</b>	<b>59.064.000.000</b>	<b>59.064.000.000</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)	(9.388.000.000)	(5.936.000.000)	(9.452.000.000)	(9.452.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>55.000.000.000</b>	<b>55.000.000.000</b>			<b>49.612.000.000</b>	<b>49.612.000.000</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Khoản vay với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch theo hợp đồng tín dụng số 01/2014/134855/HDTD ngày 04/10/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: Hạn mức tín dụng tại thời điểm vay là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng chẵn);
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, mở LC phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn duy trì hạn mức từ 04/10/2014 đến 30/09/2015;
  - + Lãi suất cho vay: Được xác định tại Hợp đồng tín dụng cụ thể theo từng thời kỳ;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm:
    - Thế chấp tài sản gắn liền với đất tại phường Đồng Hải, quận Hải An, TP.Hải Phòng;
    - Thế chấp xe ô tô Audi A6 (biển kiểm soát 29A-066.28) và xe ô tô Toyota Camry (biển kiểm soát 30H-5732);
    - Thế chấp quyền sở hữu khu dịch vụ thương mại và văn phòng cho thuê tại số 130 Nguyễn Đức Cảnh, Hà Nội;
    - Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi VND và ngoại tệ tại NH và các tổ chức tín dụng khác mà bên vay là người thụ hưởng và các khoản thu hợp pháp khác của bên vay, tất cả các tài sản thuộc và sẽ thuộc quyền quản lý hoặc sở hữu của bên vay như: hàng tồn kho, tài sản cố định, quyền sở hữu đất, vốn góp, tài sản khác khi có yêu cầu của ngân hàng;
  - + Số dư nợ gốc tại 31/12/2015 là 2.112.825,58 USD (tương đương 47.623.088.573 VND).
- (2) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch theo hợp đồng tín dụng số KHTHI140256/HM ngày 19/12/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng chẵn);
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh, tài trợ thương mại và các mục đích khác không trái với quy định của pháp luật;
  - + Thời hạn của hợp đồng: thời hạn là 12 tháng kể từ ngày 19/12/2014;
  - + Lãi suất cho vay: 9,5%/năm đối với khoản vay VNĐ, 5%/năm đối với khoản vay USD;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp;
  - + Số dư nợ vay tại 31/12/2015 là: 9.303.122.426 VND và 1.660.616,1 USD (tương đương 37.430.286.894 VND).
- (3) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 2226.1/TB-HĐTĐ ngày 23/07/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: Hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn);
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành LC, bảo lãnh phục vụ hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của Công ty;
  - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực trong 12 tháng, kể từ ngày 23/07/2014 đến ngày 23/07/2015;
  - + Lãi suất cho vay: Được áp dụng theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng doanh thu chuyển về từ các hợp đồng kinh tế mà Ngân hàng tài trợ vốn/phát hành LC xuất khẩu/bảo lãnh.
  - + Số dư nợ vay tại 31/12/2015 là: 5.766.326,94 USD (tương đương 129.973.014.405 VND).



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

- (4) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 500-19/14/VAB/HĐHMDN ngày 11/09/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: Hạn mức tín dụng là 350.000.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi tỷ đồng chẵn*);
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, cho vay chứng minh năng lực tài chính, mở L/C, bảo lãnh các loại, mục đích sử dụng tiền vay cụ thể được quy định rõ trong từng giấy nợ;
  - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực trong 12 tháng, kể từ ngày 19/09/2014 đến ngày 19/09/2015;
  - + Lãi suất cho vay: Áp dụng theo lãi suất thông báo của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được ghi trên từng giấy nợ cụ thể;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Lợi thế thương mại đối với quyền sử dụng 435,9m2 đất thuê và tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp bên thế chấp trên 435,9m2 đất thuê tại số 7 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
  - + Số dư nợ vay tại 31/12/2015 là: 282.000.000.000 VND và 875.574,08 USD (tương đương 19.735.439.763 VND).
- (5) Khoản vay với Công ty Cổ phần Bất động sản - THI theo hợp đồng cho vay tiền số 01/HĐVT ngày 18/02/2014 và các phụ lục gia hạn thời hạn vay bổ sung, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền được vay: 5.600.000.000 đồng (*Năm tỷ sáu trăm triệu đồng chẵn*);
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
  - + Thời hạn của hợp đồng: Khoản vay có thời hạn 02 tuần kể từ ngày 18/02/2014 và được gia hạn theo từng phụ lục bổ sung đến 01/2016.
  - + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay là 07%/năm;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
  - + Số dư nợ vay tại 31/12/2015 là: 1.620.000.000 VND.
- (6) Khoản vay với Ngân hàng NN&PT Nông Thôn - Chi nhánh Hoàng Mai theo hợp đồng tín dụng số 1240LAV201500065 ngày 25/2/15, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: Tổng hạn mức tín dụng được cấp là 140.000.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi tỷ đồng chẵn*);
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động đáp ứng kế hoạch kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 23/01/2016, thời hạn vay được quy định theo từng lần nhận nợ;
  - + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay theo quy định của Agribank và Agribank chi nhánh Hoàng Mai tại từng thời điểm và được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp;
  - + Số dư nợ vay tại 31/12/2015 là: 2.178.327,97 USD (tương đương 49.001.487.685 VND).



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

- (7) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số Số: 01/2015-HĐTĐHM/NHCT106 - GENERALEXIM ngày 05/09/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng chẵn);
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích kinh doanh xuất nhập khẩu;
  - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng vay có hiệu lực từ ngày 15/9/2015 đến 31/8/2016, thời hạn vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng không quá 06 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay của từng khoản nợ là lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh một tháng 1 lần, Lãi suất phạt nợ gốc là 150% lãi suất cho vay trong hạn;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng: Đảm bảo bởi các tài sản với hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm theo cam kết bảo lãnh/Hợp đồng đảm bảo mà bên vay hoặc tổ chức, cá nhân khác ký kết với bên cho vay hoặc các biện pháp đảm bảo khác ("Hợp đồng đảm bảo") cụ thể:
    - Các hợp đồng bảo đảm được xác lập trước và cùng thời điểm ký kết hợp đồng này có quy định hoặc dẫn chiếu nghĩa vụ được đảm bảo gồm cả nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng này.
    - Các hợp đồng đảm bảo được xác lập sau thời điểm ký kết hợp đồng này có quy định hoặc dẫn chiếu nghĩa vụ được đảm bảo bao gồm cả nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng này.
  - + Số dư nợ vay tại 31/12/2015 là: 2.919.948,76 USD (tương đương 65 815 645 050 VND).

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

- (8) Khoản vay với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch theo hợp đồng tín dụng số 01.134855.2009/HĐTĐH ngày 20/07/2009, Phụ lục hợp đồng tín dụng dài hạn số: 03.134855.2014 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền ngân hàng cho vay: 130.000.000.000 VND (Một trăm ba mươi tỷ đồng chẵn);
  - + Mục đích vay: Thanh toán chi phí đầu tư cho dự án "Khu dịch vụ thương mại, văn phòng và nhà ở để bán" tại 130 Nguyễn Đức Cảnh, phường Trương Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội;
  - + Thời hạn cho vay: Kể từ 20/07/2009 đến hết ngày 19/07/2017;
  - + Lãi suất cho vay: Bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của Sở giao dịch Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam + 3% năm nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố;
  - + Hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được thế chấp toàn bộ khối tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của tòa nhà cao tầng tại 130 Nguyễn Đức Cảnh, quận Hoàng Mai, Hà Nội;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 59.064.000.000 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm 2016 là 9.452.000.000 đồng.

**c) Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
- Vay	565.721.734.020	13.196.205.517	-	-
	<b>565.721.734.020</b>	<b>13.196.205.517</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Lý do chưa thanh toán: Tình hình hoạt động kinh doanh trong Quý 4/2015 có những khó khăn nhất định, mặt khác việc thu hồi nợ của Công ty gặp khó khăn nên trong thời gian tạm thời Công ty chưa có khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn đến hạn, Công ty đang xây dựng kế hoạch về nguồn tài chính để đảm bảo thanh toán các khoản nợ vay theo đúng hợp đồng đã được ký kết.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>125.948.570.000</b>	<b>17.147.588.054</b>	<b>17.147.588.054</b>	<b>7.262.420.104</b>	<b>(981.900)</b>	<b>158.549.656.217</b>	<b>7.390.990.564</b>	<b>316.298.243.039</b>					
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	4.123.181.606	4.123.181.606					4.123.181.606
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	(6.297.408.000)	(6.297.408.000)					(6.297.408.000)
Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	-	(829.152.309)	(829.152.309)					(829.152.309)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>125.948.570.000</b>	<b>17.147.588.054</b>	<b>17.147.588.054</b>	<b>7.262.420.104</b>	<b>(981.900)</b>	<b>158.549.656.217</b>	<b>4.387.611.861</b>	<b>313.294.864.336</b>					
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>125.948.570.000</b>	<b>17.147.588.054</b>	<b>17.147.588.054</b>	<b>7.262.420.104</b>	<b>(981.900)</b>	<b>158.549.656.217</b>	<b>4.387.611.861</b>	<b>313.294.864.336</b>					
Lãi/lỗ trong năm này	-	-	-	-	-	-	(134.377.902.130)	(134.377.902.130)					(134.377.902.130)
Trả cổ tức năm 2013 bằng cổ phiếu (1)	6.295.396.000	-	-	-	-	-	-	-					6.295.396.000
Phân phối lợi nhuận (1)	3.148.704.000	-	-	-	-	-	(3.774.165.292)	(3.774.165.292)					(625.461.292)
Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	-	(844.779.351)	(844.779.351)					(844.779.351)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>135.392.670.000</b>	<b>17.147.588.054</b>	<b>17.147.588.054</b>	<b>7.262.420.104</b>	<b>(981.900)</b>	<b>158.549.656.217</b>	<b>(134.609.234.912)</b>	<b>183.742.117.563</b>					

(1) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQ - ĐHĐCĐ - NK2 - 2015 ngày 18 tháng 09 năm 2015, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối (Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2013 tỷ lệ 5% với số tiền 6.295.396.000 VND (kết chuyển từ tài khoản 3388 sang) và phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2014 tỷ lệ 2,5 % với số tiền là 3.148.704.000 VND cho cổ đông hiện hữu). Số lợi nhuận của năm 2014 được phân phối như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	3.774.165.292
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16,57%	625.461.292
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (bằng 2,5% vốn điều lệ)	83,43%	3.148.704.000

(\*) Khoản lợi nhuận phải trả Công ty TNHH Kowa (gọi tắt là Kowa) theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 07/11/2011. Theo đó, Công ty Cổ phần XNK Tổng hợp I Việt Nam (gọi tắt là THI) cung cấp dịch vụ gia công quần áo và các sản phẩm may mặc khác dành riêng cho Kowa. Hai bên hợp tác điều hành hoạt động của Nhà máy trong việc cung cấp dịch vụ gia công may mặc để đạt được hiệu quả vận hành tối đa của máy móc và nhân lực Nhà máy, đáp ứng các mục tiêu sản xuất. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên được phân bổ đều (50/50) giữa THI và Kowa và được chi trả trong vòng 60 ngày sau khi kết thúc kỳ kinh doanh.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Kinh doanh vốn Nhà nước	0,00%	-	36,61%	46.109.770.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam	21,37%	28.935.270.000	18,46%	23.251.530.000
Bà Đỗ Ngọc Rung	0,00%	-	19,91%	25.080.000.000
Bà Lê Thị Lan	20,73%	28.065.210.000	0,00%	-
Vốn góp của Công ty CP Chứng khoán phố Wall	19,91%	26.961.000.000	0,00%	-
Ông Nguyễn Văn Huyền	18,52%	25.080.230.000	0,00%	-
Ông Nguyễn Vĩnh Huy	15,88%	21.500.000.000	0,00%	-
Vốn góp của các cổ đông khác	3,58%	4.850.960.000	25,02%	31.507.270.000
	<b>100%</b>	<b>135.392.670.000</b>	<b>100%</b>	<b>125.948.570.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	135.392.670.000	125.948.570.000
- Vốn góp tăng trong năm	125.948.570.000	125.948.570.000
- Vốn góp cuối năm	9.444.100.000	-
	135.392.670.000	125.948.570.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.539.267	13.539.267
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.539.267	13.539.267
- Cổ phiếu phổ thông	13.539.267	13.539.267
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	41	41
- Cổ phiếu phổ thông	41	41
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.539.226	13.539.226
- Cổ phiếu phổ thông	13.539.226	13.539.226
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	158.549.656.217	158.549.656.217
	<b>158.549.656.217</b>	<b>158.549.656.217</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****a) Ngoại tệ các loại**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	64.564	290.719,45
- Đồng Euro (EUR)	4.706	24.803,10
- Đồng yên nhật (JPY)	58.014	59.466,00

**21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.035.034.764.925	1.459.269.204.310
Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.415.953.003	30.931.951.770
	<u><b>1.055.450.717.928</b></u>	<u><b>1.490.201.156.080</b></u>

**22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.010.457.583.904	1.421.548.205.467
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.455.398.129	11.177.610.121
	<u><b>1.014.912.982.033</b></u>	<u><b>1.432.725.815.588</b></u>

**23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	42.088.426.335	12.833.493.135
Lãi bán các khoản đầu tư	350.776.216	985.534.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(217.988.800)	13.772.028.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.007.598.366	5.564.675.624
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	101.549.569	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	354.454.903
	<u><b>46.330.361.686</b></u>	<u><b>33.510.185.662</b></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	68.960.239.417	43.178.545.837
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	428.315.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	25.089.179.275	10.174.376.687
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	2.387.494.985
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	16.396.667.236	(3.494.253.054)
Chi phí tài chính khác	82.376.054	47.222.096
	<b>110.528.461.982</b>	<b>52.721.701.551</b>

**25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.650.344	-
Chi phí nhân công	4.900.081.638	6.211.427.978
Chi phí khấu hao tài sản cố định	997.938.321	1.538.706.157
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.970.548.042	11.545.047.191
Chi phí khác bằng tiền	1.406.938.300	2.909.923.552
	<b>20.286.156.645</b>	<b>22.205.104.878</b>

**26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	51.050.861	49.912.052
Chi phí nhân công	6.797.337.826	7.457.467.087
Chi phí khấu hao tài sản cố định	219.348.400	261.146.277
Thuế, phí, lệ phí	204.785.239	244.128.299
Chi phí dự phòng, hoàn nhập dự phòng	70.633.868.995	(3.963.852.496)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.142.357.816	4.604.371.409
Chi phí khác bằng tiền	1.903.192.322	4.064.581.642
	<b>85.951.941.459</b>	<b>12.717.754.270</b>

**27 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	38.472.726	293.563.635
Thu nhập từ xử lý nợ phải trả	250.070.627	683.553.738
Thu nhập khác	126.082.783	131.193.113
	<b>414.626.136</b>	<b>1.108.310.486</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**28 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	23.992.831
Các khoản bị phạt, bồi thường	3.409.223.350	-
Chi phí khấu hao không đủ điều kiện là chi phí hợp lý, hợp lệ	106.220.000	106.220.000
Chi phí khác	1.378.622.411	195.881.504
	<b>4.894.065.761</b>	<b>326.094.335</b>

**29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(134.377.902.130)	4.123.181.606
Các khoản điều chỉnh tăng	15.677.157.911	302.101.504
- Chi phí không hợp lệ	15.635.037.550	302.101.504
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	42.120.361	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(421.401.581)	(76.640.027.073)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(11.200)	(13.772.028.000)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(62.815.906.599)
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm có gốc ngoại tệ của khoản mục Tiền gửi ngân hàng	-	(9.972.113)
- Lãi CLTG đánh giá lại tiền tệ cuối năm	(421.390.381)	(42.120.361)
Thu nhập tính thuế TNDN	(119.122.145.800)	(72.214.743.963)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(416.196.598)	(416.196.598)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<b>(416.196.598)</b>	<b>(416.196.598)</b>

**30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(134.377.902.130)	4.123.181.606
Các khoản điều chỉnh	(844.779.351)	(829.152.309)
- Lợi nhuận phải trả cho Công ty TNHH Kowa	(844.779.351)	(829.152.309)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(135.222.681.481)	3.294.029.297
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	13.539.226	13.539.226
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>(9.987)</b>	<b>243</b>

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.





**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	223.217.564	49.912.052
Chi phí nhân công	22.109.071.640	8.996.173.244
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.842.751.458	4.063.519.521
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.277.968.861	27.327.028.721
Chi phí khác bằng tiền	10.703.551.422	9.627.688.227
	<b>65.156.560.945</b>	<b>50.064.321.765</b>

**32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.896.576.855	-	22.326.213.955	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	405.889.519.423	-	455.928.195.316	-
Đầu tư ngắn hạn	175.358.609.834	(21.311.548.741)	14.172.998.743	(4.235.039.143)
Đầu tư dài hạn	1.200.000.000	(204.449.272)	164.180.849.141	(952.225.900)
	<b>594.344.706.112</b>	<b>(21.515.998.013)</b>	<b>656.608.257.155</b>	<b>(5.187.265.043)</b>

**Nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Vay và nợ	701.566.084.796	794.282.008.635
Phải trả người bán, phải trả khác	39.220.437.126	29.143.776.887
Chi phí phải trả	-	2.941.479
	<b>740.786.521.922</b>	<b>823.428.727.001</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.





**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.896.576.855	-	-	11.896.576.855
Phải thu khách hàng, phải thu khác	397.389.519.423	8.500.000.000	-	405.889.519.423
Đầu tư ngắn hạn	154.047.061.093	-	-	154.047.061.093
Đầu tư dài hạn	-	995.550.728	-	995.550.728
	<b>563.333.157.371</b>	<b>9.495.550.728</b>	<b>-</b>	<b>572.828.708.099</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.326.213.955	-	-	22.326.213.955
Phải thu khách hàng, phải thu khác	455.928.195.316	-	-	455.928.195.316
Đầu tư ngắn hạn	9.937.959.600	-	-	9.937.959.600
Đầu tư dài hạn	-	163.228.623.241	-	163.228.623.241
	<b>488.192.368.871</b>	<b>163.228.623.241</b>	<b>-</b>	<b>651.420.992.112</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>				
Vay và nợ	651.954.084.796	49.612.000.000	-	701.566.084.796
Phải trả người bán, phải trả khác	38.656.235.000	564.202.126	-	39.220.437.126
	<u>690.610.319.796</u>	<u>50.176.202.126</u>	<u>-</u>	<u>740.786.521.922</u>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Vay và nợ	739.282.008.635	55.000.000.000	-	794.282.008.635
Phải trả người bán, phải trả khác	29.143.776.887	-	-	29.143.776.887
Chi phí phải trả	2.941.479	-	-	2.941.479
	<u>768.428.727.001</u>	<u>55.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>823.428.727.001</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.





**35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2015</u> VND	<u>Năm 2014</u> VND
<b>Góp vốn hợp tác đầu tư</b>			
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam (gọi tắt là HFC)	Cổ đông lớn	-	282.000.000.000
<b>Lãi hợp đồng hợp tác trong năm</b>			
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam (gọi tắt là HFC)	Cổ đông lớn	36.535.821.216	7.117.987.152

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2015</u> VND	<u>01/01/2015</u> VND
<b>Phải thu khác</b>			
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam (gọi tắt là HFC)	Cổ đông lớn	14.443.137.818	3.117.987.152

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2015</u> VND	<u>Năm 2014</u> VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.649.068.150	1.682.722.602

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP VIỆT NAM**

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**36 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chi tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

**Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>						
121	1. Đầu tư ngắn hạn	14.172.998.743	121	1. Chứng khoán kinh doanh	14.172.998.743	(14.172.998.743)
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(4.235.039.143)	122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh	(4.235.039.143)	14.172.998.743
131	1. Phải thu khách hàng	134.960.230.620	131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	134.960.230.620	-
132	2. Trả trước cho người bán	301.065.810.984	132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	301.065.810.984	-
135	5. Các khoản phải thu khác	314.793.376.637	136	6. Phải thu ngắn hạn khác	320.967.964.696	6.174.588.059
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	6.174.588.059	155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-	(6.174.588.059)
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(21.101.961.326)	137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(21.101.961.326)	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	498.443.954	153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	498.443.954	-
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	69.398.787.996	242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	69.398.787.996	-
240	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>44.384.025.481</b>	230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>44.384.025.481</b>	-
241	- Nguyên giá	63.993.967.962	231	- Nguyên giá	63.993.967.962	-
242	- Giá trị hao mòn lũy kế	(19.609.942.481)	232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(19.609.942.481)	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác	164.180.849.141	253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	164.180.849.141	-
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(952.225.900)	254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	(952.225.900)	-
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	739.282.008.635	320	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	739.282.008.635	-
312	2. Phải trả người bán	16.816.206.290	311	2. Phải trả người bán ngắn hạn	16.816.206.290	-
313	3. Người mua trả tiền trước	50.006.862.550	312	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	50.006.862.550	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	355.786.284	313	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	355.786.284	-
315	5. Phải trả người lao động	2.406.215.244	314	5. Phải trả người lao động	2.406.215.244	-
316	6. Chi phí phải trả	2.941.479	315	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	2.941.479	-





